

Số/No:.....2021/1235/TN5...

Trang/Page:.....1/2.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

**Tên mẫu thử:** Nước uống trực tiếp sau lọc.  
**Khách hàng:** Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Công nghệ cao Hoàng gia-chi nhánh Hà Nội.  
**Ngày nhận mẫu:** 25/05/2021.  
**Lượng mẫu:** 3,0L.  
**Tình trạng mẫu:** Đựng trong chai nhựa.  
**Thời gian thử nghiệm:** Từ ngày 25/05/2021 đến ngày 07/06 /2021.

| STT | Tên chỉ tiêu                 | Đơn vị | Phương pháp thử      | Tham khảo QCVN 6-1:2010/BYT | Kết quả             |
|-----|------------------------------|--------|----------------------|-----------------------------|---------------------|
| 1   | Sb                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,02$                 | KPH (GHPH = 0,001)  |
| 2   | As                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,01$                 | KPH (GHPH = 0,003)  |
| 3   | Ba                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,7$                  | KPH (GHPH = 0,010)  |
| 4   | B                            | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,5$                  | KPH (GHPH = 0,030)  |
| 5   | Bromat                       | mg/L   | US EPA Method 300.0  | $\leq 0,01$                 | KPH (GHPH = 0,003)  |
| 6   | Cd                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,003$                | KPH (GHPH = 0,001)  |
| 7   | Clo tổng                     | mg/L   | SMEWW 4500-Cl G:2017 | $\leq 5,0$                  | <0.05               |
| 8   | Clorat                       | mg/L   | US EPA Method 300.0  | $\leq 0,7$                  | KPH (GHPH = 0,03)   |
| 9   | Clorit                       | mg/L   | US EPA Method 300.0  | $\leq 0,7$                  | KPH (GHPH = 0,03)   |
| 10  | Cr                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,05$                 | KPH (GHPH = 0,010)  |
| 11  | Cu                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 2$                    | KPH (GHPH = 0,010)  |
| 12  | CN <sup>-</sup>              | mg/L   | TCVN 6181:1996       | $\leq 0,07$                 | KPH (GHPH = 0,01)   |
| 13  | F <sup>-</sup>               | mg/L   | TCVN 6494-1:2011     | $\leq 1,5$                  | KPH (GHPH = 0,30)   |
| 14  | Pb                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,01$                 | KPH (GHPH = 0,001)  |
| 15  | Mn                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,4$                  | KPH (GHPH = 0,010)  |
| 16  | Hg                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,006$                | KPH (GHPH = 0,0003) |
| 17  | Mo                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,07$                 | KPH (GHPH = 0,010)  |
| 18  | Ni                           | mg/L   | US EPA Method 6020A  | $\leq 0,07$                 | KPH (GHPH = 0,001)  |
| 19  | NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> | mg/L   | TCVN 6494-1:2011     | $\leq 50$                   | <0,5                |

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
 Name of sample and customer are written as customer's request.



Số/No:.....2021/1235/TN5.....

Trang/Page:.....2/2.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                      | Đơn vị    | Phương pháp thử     | Tham khảo QCVN 6-1:2010/BYT | Kết quả            |
|-----|-----------------------------------|-----------|---------------------|-----------------------------|--------------------|
| 20  | NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>      | mg/L      | TCVN 6494-1:2011    | ≤ 3                         | KPH (GHPH = 0,15)  |
| 21  | Se                                | mg/L      | US EPA Method 6020A | ≤ 0,01                      | KPH (GHPH = 0,001) |
| 22  | Coliforms                         | CFU/250mL | TCVN 6187-1:2019    | 0                           | Không có/nil       |
| 23  | E. Coli                           | CFU/250mL | TCVN 6187-1:2019    | 0                           | Không có/nil       |
| 24  | Feacal Streptococci               | CFU/250mL | ISO 7899-2:2000     | 0                           | Không có/nil       |
| 25  | Pseudomonas aeruginosa            | CFU/250mL | TCVN 8881:2011      | 0                           | Không có/nil       |
| 26  | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit | CFU/50mL  | ISO 6461-2:1986     | 0                           | Không có/nil       |
| 27  | Hoạt độ phóng xạ α                | Bq/L      | TCVN 8879:2011      | ≤ 0,5                       | KPH (GHPH = 0,02)  |
| 28  | Hoạt độ phóng xạ β                | Bq/L      | TCVN 8879:2011      | ≤ 1                         | KPH (GHPH = 0,2)   |

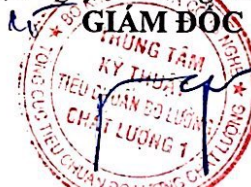
**Ghi chú:** QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai;  
 KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.



**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
 HÓA - MÔI TRƯỜNG**

**Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2021



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Ngọc Châm**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
 Name of sample and customer are written as customer's request.